



DU KÝ CỦA NGƯỜI VIỆT NAM VIẾT VỀ NƯỚC PHÁP VÀ MỐI QUAN HỆ VIỆT - PHÁP GIAI ĐOẠN CUỐI THẾ KỶ XIX - NỬA ĐẦU THẾ KỶ XX

PGS.TS Nguyễn Hữu Sơn*

1. Một cách khái quát, các nhà lý luận xác định: “Du ký – Một thể loại văn học thuộc loại hình ký mà cơ sở là sự ghi chép của bản thân người đi du lịch, ngoạn cảnh về những điều mắt thấy tai nghe của chính mình tại những xứ sở xa lạ hay những nơi ít người có dịp đi đến. Hình thức của du ký rất đa dạng, có thể là ghi chép, ký sự, nhật ký, thư tín, hồi tưởng, miễn là mang lại những thông tin, tri thức và cảm xúc mới lạ về phong cảnh, phong tục, dân tình của xứ sở ít người biết đến [...]. Dạng đặc biệt của du ký phát huy cái chất ghi chép về miền xa lạ của nó là du ký về các xứ sở tưởng tượng, có tính chất không tưởng hay viễn tưởng khoa học [...]. Dạng du ký khác đậm đà phong vị phương Đông là ghi chép cảm tưởng, nhận xét về những nơi danh lam thắng cảnh đất nước [...]. Thể loại du ký có vai trò quan trọng đối với văn học thế kỷ XVIII – XIX trong việc mở rộng tầm nhìn và tưởng tượng của nhà văn. Sang thế kỷ XX, du ký mang nhiều tính chất tư liệu khoa học do các nhà địa chất, nhà dân tộc học viết. Loại du ký khoa học cũng rất thịnh hành”¹... Định nghĩa trên đây đã khái quát được những đặc điểm cơ bản nhất của du ký mà chúng tôi duy danh là *thể tài du ký*. Tuy nhiên, thể tài du ký là một bộ phận văn học còn chưa được chú ý đúng mức. Khi nói đến “thể tài du ký”, cần được hiểu, đó là sự nhấn mạnh hơn ở phía đề tài, phía nội dung và cảm hứng nghệ thuật nơi người viết chứ không phải ở phía thể loại. Thu hút vào địa hạt du ký có các sáng tác bằng thơ, phú và các bài văn xuôi theo phong cách ký, ký sự, phóng sự, ghi chép, khảo cứu, hồi ức về các chuyến đi, các điểm du lịch, các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, sinh thái, kiến trúc, mỹ thuật; thậm chí có thể liên quan tới nhiều phương diện của xã hội học, văn hoá học, khảo cổ học, dân tộc học và văn hoá –

* Viện Văn học.

văn nghệ dân gian khác nữa... Do đó đã xuất hiện thực tế là có tác phẩm nằm ở trung tâm của thể tài du ký và nhiều trang viết khác lại nằm ở đường biên hoặc có sự hỗn dung, pha tạp với những sắc độ đậm nhạt khác nhau, cả về đối tượng, phạm vi đề tài, nội dung hiện thực lẫn phong cách thể loại.

Nhận diện các tác phẩm du ký Việt Nam trong mối quan hệ quốc tế, có thể chia thành hai bộ phận chính: loại du ký của người Việt ghi chép qua các chuyến đi đến các nước và loại du ký do người nước ngoài ghi chép khi đến Việt Nam. Ở bài viết này, chúng tôi chỉ tập trung khảo sát các trang du ký thuộc giai đoạn cuối thế kỷ XIX - nửa đầu thế kỷ XX và cũng chỉ giới hạn ở các tác phẩm du ký tiêu biểu viết về nước Pháp, thông qua đó xác định rõ thêm quan niệm của một bộ phận trí thức về thế giới phương Tây hiện đại và về mối quan hệ Pháp - Việt đương thời.

2. Các tác phẩm du ký viết về nước Pháp đương nhiên phải do những người đã trực tiếp đặt chân đến nước Pháp viết ra. Đây là tiếng nói của người trong cuộc, người trải nghiệm - những tác gia văn học và cũng là những trí thức lớn đương thời. Hầu hết họ đã cộng tác và có mối quan hệ tốt đẹp với người Pháp nên cách nhìn, cách cảm nhận, đánh giá của họ về mối quan hệ Việt - Pháp có những nét riêng, khác biệt. Trước hết, họ tự ý thức về hoàn cảnh, điều kiện và trình độ lạc hậu của bản thân và đất nước mình. Bên cạnh những quan sát về nền kỹ nghệ và cách thức tổ chức xã hội nước Pháp theo mô hình phương Tây hiện đại, các tác giả nhận thức rõ nhu cầu cần canh tân đất nước, cần tự cường và phát triển đất nước theo xu thế hiện đại hoá... Có thể nói, các chuyến đi và tiếp xúc thực tế với nước Pháp và người Pháp đã giúp họ thức tỉnh, bình tĩnh đánh giá khách quan hơn về thực trạng xã hội Pháp một thời... Xét về bản chất quan hệ Đông - Tây, có thể coi các tác phẩm du ký này là những trang sử, những bức tranh hiện thực và cách hình dung của tầng lớp trí thức Tây học bằng ngôn từ nghệ thuật về cảnh quan, thực trạng đời sống kinh tế - văn hoá và xã hội nước Pháp giai đoạn cuối thế kỷ XIX - nửa đầu thế kỷ XX. Với tư cách người trong cuộc và ở nhiều vị thế khác nhau, các trang du ký của họ giúp chúng ta hiểu biết, đánh giá đầy đủ hơn nhận thức và tâm trạng của một bộ phận trí thức đương thời trong quá trình tiếp xúc với nước Pháp và văn hoá - văn minh phương Tây. Nhìn rộng ra, điều này cũng góp phần lý giải mối quan hệ giữa tính dân tộc và quốc tế, dân tộc và tiến bộ xã hội, phương Đông và phương Tây, thể chế xã hội và quy luật tiến hoá lịch sử... Những quan sát, nhận thức về nước Pháp góp phần mở đường cho nhận thức về so sánh văn hoá Đông - Tây, kỹ nghệ Đông - Tây, tư duy Đông - Tây. Những cảm nhận đó vừa có mặt hợp lý, tích cực, vừa phù hợp với quy luật tiến hoá xã hội và xu thế hội nhập quốc tế...

3.1. Tác gia Sài Gòn - Gia Định Trương Minh Ký (1855 - 1900), học trò Trương Vĩnh Ký - có tập du ký bằng thơ *Như Tây nhật trình*, được viết theo thể song thất

lục bát, ghi lại cuộc hành trình qua châu Âu và Bắc Phi khi ông dẫn 10 du học sinh (trong đó có Nguyễn Trọng Quản, Diệp Văn Cương...) sang học tại Angieri vào năm 1880. Thiên du ký dài khoảng 2000 câu thơ, khởi đăng trên *Gia Định báo* từ ngày 10/4/1888... Đồng phong cách với *Như Tây nhật trình*, sau chuyển đi phiên dịch cho phái đoàn triều đình Huế tham dự hội chợ Paris (1889), Trương Minh Ký tiếp tục có du ký *Chư Quốc thoại hội* với tròn 2000 câu thơ song thất lục bát, hoàn thành toàn văn tại Chợ Lớn ngày 22 tháng 6 năm Canh Dần (1890). Tập du ký này lại cũng được đăng tải trên *Gia Định báo* từ ngày 10/6/1890 và sau đó in thành sách tại Sài Gòn vào năm 1891². Nguyên văn các câu thơ thường in liền mạch, có phân chia đoạn dài đoạn ngắn, khổ ngắn nhất chỉ 4 câu, khổ dài nhất tới 76 câu. Thiên du ký được trình bày theo trình tự thời gian, theo tuyến sự kiện từ ngày ra đi, những ngày tàu lên đênh trên sóng biển, những chuyến đi xe hoả, những cuộc du ngoạn ở Paris hoa lệ, những chuyến viếng thăm bạn bè, nhà máy, công xưởng cho tới ngày trở về. Đan xen giữa việc miêu tả những sự kiện, những điều mắt thấy tai nghe là những suy tư trước thời thế và bày tỏ xúc cảm cá nhân trước tình bạn bè, đồng liêu, thiên nhiên, đất trời bốn phương cao rộng. Qua 4 câu thơ mở đầu, tác giả tỏ rõ ý thức ghi lại những cảnh quan, sự kiện và cảm xúc mới lạ trước vùng đất mới xa lạ:

*Thái Tây ấy, đi rồi một chuyến,
Nam Kỳ về, đặt chuyện Như Tây.
Cho người đất nước ta hay,
Dân kia tục nọ, xú này thế ni...*

Đến nước Pháp, Trương Minh Ký ngỡ ngàng khi qua các vùng Marseille (nơi có trường dòng, có nghĩa địa và mồ mả người Việt), ông đến Paris rồi trở về qua ngã đường Lyon, Toulon. Khi đến Paris, ông từng tới thăm điện L'Elysée, thành đô Versailles và ông chỉ tập trung mô tả quang cảnh hội chợ - nhà đấu xảo:

*- Trường đấu xảo sớm vào rộng rãi,
Đến trưa chiều tôi lại chật đông.
Ta thường đi với Đức ông,
Sớm coi đấu xảo, chiều vòng dạo chơi...*

*- Trường đấu xảo có đôi trăm quán,
Đủ sắc người buôn bán vui thay.
Người khoe sắc, kẻ đua tài
Ăn chơi đồ lạ, xây xài của chung...*

- Đại Nam quốc cất luôn nhiều sở,
Có làm chùa làm mà thiếu chi.
Dư đồ Ngủ quảng Bắc Kỳ,
Lại đem nhiều thợ, ít thầy chùa qua.
Sau đó có một nhà rộng rãi,
Cất ba căn hai chái như ta...

Thăm khắp các gian hàng, Trương Minh Ký phấn khích ngợi ca tài năng sáng tạo và sự phát triển các ngành kỹ nghệ. Tôi xin đơn cử một bài ca ngợi kỹ nghệ của radio:

Kê đây một sở máy không,
Edison chế, thật thông thái kỳ.
Máy thâu tiếng, có nghe chưa thấy,
Thấy lân đâu thì lấy làm kỳ.
Hoặc đồn hoặc nói chuyện chi,
Máy liền đồn nói lại y như lời.
Lời ta nói còn nơi máy ấy,
Người thợ rằng tới mấy trăm năm.
Gặp ai đến đó hỏi thăm,
Giờ ra nói lại tiếng tăm ta liền.
Đức ông lấy làm khen quá sức,
Cho là hơn lắm bậc tri tài...

Trên tất cả, Trương Minh Ký thừa nhận sự giàu mạnh của nước Pháp và vị thế của người đi trước, người mở đường, dẫn đường, chỉ đường đối với nước Việt lúc bấy giờ còn đang nhỏ - yếu - nghèo:

Phansa là nước đại tài,
Dân trong giàu mạnh, cõi ngoài kính thương.
Người chấp chánh, cầm cân ngay thật,
Việc dụng binh, giữ mực công bình.
Thấy ta nước nhỏ giúp binh,
Đặng sau này sánh có kinh phương Tây.
Chẳng ý mạnh ý tài ép yếu,

Không cây giàu cây thế hiệp eo.

Coi ta như bạn đang nghèo,

Phải chịu kẻ mạnh, phải theo nước giàu...

Thuộc lớp trí thức Tây học đầu tiên, Trương Minh Ký với tập du ký bằng thơ *Chư quốc thại hội* không chỉ đóng vai trò người mở đầu nền văn chương quốc ngữ mà còn có công ghi chép, thể hiện bằng thơ chuyến công du đến nước Pháp và phản ánh khá sinh động một kỳ hội chợ tại nước Pháp vào năm 1889. Những quan sát, so sánh, suy nghĩ của ông cho thấy thực tế mối quan hệ Việt - Pháp, rộng hơn là mối quan hệ Đông - Tây, đang có xu hướng ngả dần sang phương Tây, hướng tới chấp nhận ảnh hưởng từ phương Tây hiện đại.

3.2. Nhà văn hoá Phạm Quỳnh (1892 - 1945) đã có những đóng góp đặc biệt quan trọng ở thể tài du ký, khi viết về nước Pháp và mối quan hệ Việt - Pháp hồi đầu thế kỷ XX trong *Pháp du hành trình nhật ký*³, *Thuật chuyện du lịch ở Paris*⁴. Trên thực tế, *Thuật truyện du lịch ở Paris* chính là bản tóm tắt trên nền tảng nội dung ghi chép *Pháp du hành trình nhật ký* và được Phạm Quỳnh trình bày trong buổi diễn thuyết tại Nhạc hội Tây Hà Nội, do Hội Khai trí tiến đức tổ chức vào ngày 15/9/1922.

Theo nhật ký Phạm Quỳnh, chuyến đi khởi hành từ ngày 9/3/1922 tại cảng Hải Phòng và trở về vào ngày 11/9/1922, vừa đủ sáu tháng. Năm ấy Phạm Quỳnh tròn ba mươi tuổi. Trong nửa năm ở Pháp, ông chủ ý đi - xem - nghe càng nhiều càng tốt, từ đó suy nghĩ, so sánh, đối sánh văn minh và thế cuộc nước Pháp với xứ sở Việt Nam. Tại nước Pháp, ông đã trở đi trở lại Marseille, qua Lyon, Versailles, Verdun và thăm thú khắp các công sở, di tích lịch sử, văn hoá, danh lam thắng cảnh ở Paris... Đến đâu ông cũng ghi chép, bình luận, liên hệ, so sánh với cuộc sống bên nước nhà và phát biểu cảm tưởng về những điều tai nghe mắt thấy.

Tới nước Pháp, Phạm Quỳnh ngỡ ngàng bởi nền khoa học, kỹ thuật và đời sống vật chất vượt trội của chính quốc. Ông khâm phục trước cung điện Le Louvre tráng lệ, tháp Eiffel có thang máy, những toà nhà cao rộng, những khách sạn, nhà hàng tiện nghi, những cây cầu bắc qua sông Seine uy nghiêm, những công viên, đường phố, biệt thự sang trọng... Hiện đại và ấn tượng thêm nữa là dòng xe ô tô tấp nập qua lại, những chuyến taxi cơ động và đường xe điện ngầm có lúc chạy trên cầu, có lúc đi dưới đất, có lúc chạy ngầm dưới lòng sông, "nghe nói lạ lắm", "đi đâu cũng tiện lắm", "chạy mau vùn vụt như tên bắn vậy". Phạm Quỳnh chịu khó mua sách, đọc sách, nghe giảng và trực tiếp tham gia diễn thuyết tại nhiều trung tâm văn hoá, khoa học, viện nghiên cứu, trường đại học. Với tư cách nhà trí thức, khi qua thăm Bảo tàng Dân tộc học, ông nhận xét: "Ấy cách học vấn của người Tây, bất cứ về môn nào cũng là kỹ càng trọn vẹn, đến chốn đến nơi như thế, không trách sự học của người ta để sâu xa và mau tấn tới

vậy" ... Soi nhìn lại các hội học xứ nhà, ông viết: "Ở Hà Nội ta có hội quán Hội Trí Tri và Hội Khai trí cũng hơi có cái tính cách ấy, nhưng phải chỉnh đốn cho hơn nữa mới được, và hiện nay chỉ hiếm hầy còn ít những cuộc học tập có ích, bất quá thỉnh thoảng có mấy hội "ái hữu" mượn để họp bàn, mấy ông trị sự hay bàn mấy vấn đề suông, cũng có lúc nói năng to tiếng, cãi cọ rậm lời, nhưng vẫn chưa khỏi cái lối "việc làng", nghĩa là ồn ào lộn xộn mà chẳng nên câu chuyện gì". Từ góc độ nhà hoạt động xã hội, nhà văn hoá, nhà chính trị, ngay khi ở Marseille, Phạm Quỳnh đã tới nghe một nữ bác sỹ diễn thuyết về "cái phong trào cách mệnh và cái chủ nghĩa quá khích ở nước Nga". Điều này cho thấy không khí tương đối tự do, dân chủ trong sinh hoạt chính trị, học thuật ở nước Pháp bấy giờ và được Phạm Quỳnh tán đồng, thậm chí còn liên hệ trở lại với tư tưởng xã hội phương Đông: "Ta thường đọc sách đọc báo chỉ thấy công kích cái phong trào quá khích ở nước Nga; cũng nên nghe có người tán dương cổ đấng cái phong trào ấy, mới có thể chiết trung mà phán đoán cho đúng được. Ở đời này muốn quan niệm về một sự gì cho chánh đáng, thật là khó quá; tý như một cái chủ nghĩa quá khích đó, người nói xấu biết bao nhiêu mà kể, mà người nói tốt cũng nói tốt quá; nghe bọn trên thời tưởng nước Nga bây giờ là nơi âm ty địa ngục gì, chớ không phải cõi nhân thế trần gian nữa; nghe bọn dưới thời ngờ là chốn bông lai lạc địa. Đến khi mỗi lợi quyền đã mâu thuẫn, lòng tham dục đã xung đột nhau, thời công lý, công nghĩa không biết đâu mà dò nữa. Gặp những khi như thế mà lại càng tiếc cái đạo "trung dung" của đấng Thánh nhân phương Đông ta đời xưa. Nhưng đạo ấy đời nay có dùng được nữa không? Ngoài sự lý tưởng, đạo ấy có thể đem ra thực dụng ở cái thế giới cạnh tranh này không? Tưởng cũng khó quá". Tham dự một buổi thảo luận về chính sách giáo dục, Phạm Quỳnh rút ra kết luận: "Ở một nước tự do có khác, bất cứ việc gì cũng có thể đem ra công chúng mà nghị luận được. Kẻ nói đi người nói lại, quốc dân đứng giữa mà phán đoán, Chính phủ ở trên mà chiết trung, tưởng còn hơn là cái chính sách "bịt bùng", rút lại chẳng có lợi cho ai hết ". Ông từng tham dự diễn thuyết, từng "vào xem" một cuộc thảo luận, nghe các ông nghị viên chất vấn Chính phủ ở Thượng viện và đi đến suy xét: "Nghe người ta diễn thuyết mà hồi tưởng đến người mình, không những nghề diễn thuyết chưa biết, mà đến nói câu chuyện cho có đầu đuôi manh mối, cũng ít người nói được... Người mình cần tập nói lắm". Sau này, trong bài *Thuật chuyện du lịch ở Paris*, Phạm Quỳnh tiếp tục chỉ rõ sự lợi hại của các cuộc tranh luận công khai, dân chủ và hài hước nhấn mạnh: "Hoặc giả nói: Nếu như thế thì làm việc chính trị chẳng là chán lắm ru? Và nơi nghị trường chẳng là giống như chợ hàng rau ư? Nếu như thế thì các ông nghị ta mỗi năm về Hà Nội chơi mấy ngày, xin Chánh phủ cho đi xem hát chèo chớp bóng, há lại chẳng có tư cách hơn các ông nghị Tây kia cứ ngày ngày đem nhau ra chỗ công đồng mà cãi nhau như mổ bò ru?... Đã có nghị viện phải có chính đảng, đã có chính đảng tất phải có cạnh tranh, có cạnh tranh mới hoạt động; cái

phép tiến hoá của các dân tộc như thế. Dân tộc mình còn chưa tới trình độ đó, ta nên đáng mừng hay là đáng tiếc? Điều đó xin chất vấn ở quốc dân”.

Với sở học và nếp nghĩ truyền thống, học giả Phạm Quỳnh thấy mỗi ngày ở nước Pháp đều có thể hiểu biết, học hỏi thêm nhiều điều mới lạ. Ông cảm nhận sự mới lạ ngay từ tài năng diễn thuyết của người nữ bác sỹ đến ấn tượng khi thăm nhà bà F. có chân trong Hội Đông phương Ái hữu: "Thật là một bà chủ salon theo như lịch sử phong nhã của nước Pháp. Bao giờ cho xã hội An Nam ta cũng có những bậc đàn bà nhã thú như thế?". Phạm Quỳnh còn hiếu kỳ dành cả thời gian đến xóm bình khang "Mông Mạc" được coi như phía khuất lấp của Paris hoa lệ. Rồi khi đến xem điểm binh ở nhà đua ngựa, ông thức nhận ra sự thật đời thường: "Người dân ở đây kể cũng không khác gì người dân bên mình, mà có lẽ người dân ở đâu đại suất cũng thế, cũng thích hội hè đình đám... Lại len lỏi trong đám đông cũng có các trạng ăn cắp, chực lần lưng móc túi. Thật dưới gầm trời, người ta đâu cũng như đâu. Kẻ bình dân vẫn có tính háo hức mà bọn láu cá thì khéo lợi dụng; trò đời chỉ có thế mà thôi". Ngòi bút Phạm Quỳnh cũng khá tự do khi viết về đức vua: "Gần bốn giờ thì Hoàng thượng xuống tàu, kèn trống thổi mừng, quân quan đứng tiễn. Ngài đi Tây chuyến này sắm được vô số đồ, chở xuống tàu từ hai giờ đến bốn giờ, hết kiện ấy đến kiện khác, cái cần máy trực cứ giơ lên hạ xuống hoài mà không dứt".

Điều quan trọng hơn, Phạm Quỳnh đi đến những nhận xét tổng quan, bày tỏ chính kiến về xã hội, về mối quan hệ Việt - Pháp, về tương quan Đông - Tây và xác định con đường tiến hoá, tiến bộ xã hội: "Những đường phố sang trọng xem ra lại không vui bằng những xóm bình dân, người thượng lưu vẫn không muốn dự, cho mới biết dẫu ở nước dân chủ bình đẳng, các giai cấp vẫn có ý muốn đặc biệt nhau, và sự bình đẳng hoàn toàn, có lẽ không bao giờ có được"; "Cho hay cái tên Đông phương đối với những nhà lãng mạn Tây phương vẫn còn có một cái thanh hưởng réo rất ly kỳ. Nhưng những nhà lãng mạn này không phải số nhiều, còn đối với những tay doanh lợi thì Đông phương chẳng qua là một cái thị trường để tiêu thụ đồ hàng của Tây phương mà thôi"; "Duy cái văn minh của Tây phương nó phần tạp quá, các "phương diện" nhiều quá, muốn bao quát cho được hết mà thu gồm lấy cái toàn thể, toàn bức, thật là khó lắm. Phải có một cái sức học, một cái trí khôn, một con mắt sáng khác thường, mới có thể xét không sai mà đoán không lầm được. Cho nên còn lâu năm nữa, cái văn minh Tây phương vẫn còn ngộ hoặc người đời nhiều lắm"; "Nghĩ trong các vấn đề thiết yếu cho người mình không gì bằng vấn đề giáo dục... Đại khái nói rằng nước Việt Nam là một nước cổ, vốn đã có một cái văn hoá cũ, nhưng cái văn hoá cũ ấy ngày nay không thích hợp với thời thế nữa, cần phải có cái văn hoá mới đời nay thì mới có thể sinh tồn được trong thế giới bây giờ. Cái văn hoá mới ấy dân chúng ta nhờ quý Đại Pháp truyền bá cho... Nhưng trong sự truyền bá cái học mới ấy, có nhiều nông nổi khó khăn, quý

Chính phủ vẫn chưa giải quyết được ổn thoả. Nếu dân Việt Nam là một dân mới có, chưa có nền nếp, chưa có lịch sử gì, thì quý quốc cứ việc hoá theo Tây cả, dạy cho học chữ Tây hết cả, đồng hoá được đến đâu hay đến đó. Nhưng ngặt thay, dân Việt Nam không phải là một tờ giấy trắng muốn vẽ gì vào cũng được; tức là một tập giấy đã có chữ sẵn từ đời nào đến giờ rồi. Nếu bây giờ viết đè một thứ chữ mới nữa lên trên, thì e thành giấy lộn mất". Trên tất cả, Phạm Quỳnh ngợi ca Paris và nước Pháp: "Mình cũng phân vân chưa định về ở thế nào. Cứ kể ở bên này thì ở mãi cũng được. Cảnh Paris là một cái cảnh rất mến người. Ai đã đến đây không nỡ dứt tình mà đi cho được. Và mình đến đây đã được quen thân một vài nơi, giao tiếp với nhiều người, càng ở thời lại càng thêm biết rộng ra, có ích lợi cho sự kiến văn nhiều lắm. Tường học nhà mấy năm không bằng qua ở đây một tháng. Cái không khí Paris là cái không khí rất bổ cho tinh thần trí não. Ở đây tựa hồ như thấy trong óc thêm sáng suốt, trong lòng thêm rộng rãi ra. Thật thế, không phải nói ngoa. Tường giá mình ở đây vài ba năm thì tính tình tư tưởng nở nang ra hơn bây giờ nhiều". Rồi ký giả tự gián cách, hoá thân vào những tượng đá danh nhân Rousseau, Corneille mà khuyên bảo, phản biện, tỏ bày quan điểm: "Ồ, anh con trai Nam Việt kia! Anh chớ có tự phụ mang cái quốc gia chủ nghĩa của anh mà mong tránh khỏi cái cám dỗ của chốn danh đô này. Những tay khôn ngoan tài giỏi hơn anh nhiều cũng còn không tránh được nổi, huống nữa là anh. Anh chớ nên đem bụng hẹp hòi. Anh thương yêu nước anh là phải, nhưng anh yêu mến chốn này cũng nên. Cái quả tim thế giới, cái khối óc văn minh là đây. Người Pháp tuy có công gây dựng ra chốn này, nhưng ngày nay là của chung thiên hạ rồi, khách Đông phương, khách Tây phương, ai ai đến đây cũng phải cảm. Dẫu Đông Kinh, Yên Kinh, Kim Lăng, Thuận Hoá của Á Đông anh cũng không đâu thu gồm được lắm cái vẻ tinh hoa của văn hoá bằng ở đây".

Không có gì phải nghi ngờ việc Phạm Quỳnh thực sự bị thuyết phục bởi nước Pháp "quả tim thế giới", "khối óc văn minh", "tinh hoa của văn hoá". Nhìn về nước Pháp, ông thấy đây là mối quan hệ tông thuộc, cần hướng theo nền kỹ nghệ và cơ cấu chính trị - văn hoá kiểu Pháp. Ông mong muốn dân tộc mình tiến hoá nhưng cũng thấy rõ những hạn chế, thiếu hụt bởi một nền kinh tế tiểu nông, lạc hậu, trì trệ. Có một điều cần chú ý là Phạm Quỳnh không rập khuôn máy móc một chiều mà luôn cố gắng tìm ra phương hướng canh tân thích hợp, coi trọng nền văn hoá Pháp nhưng vẫn bảo tồn truyền thống dân tộc, đề cao việc học tiếng Pháp nhưng vẫn đề xuất việc học thành thực tiếng An Nam "nhiên hậu có thì giờ sẽ học đến tiếng ngoài"... Trước sau ông vẫn nhận mình thuộc hàng trí thức, chú trọng rung lên tiếng chuông trước quốc dân đồng bào và trước các nhà chức trách. Tất cả những điều đó cho thấy học giả Phạm Quỳnh thực sự xứng đáng là một nhà văn hoá, nhà hoạt động truyền bá văn hoá xuất sắc nửa đầu thế kỷ XX.

3.3. Đặt dưới nhan đề chung *Trên đường Nam Pháp (Mấy đoạn gia thư)*, một bạn học sinh có tên Tùng Hương đã viết 27 bức thư gửi về gia đình trong khoảng

thời gian 1924 – 1931. Thay cho lời đề từ, người sao lục nêu khái quát ý nghĩa việc in lại các bức thư trên tạp chí *Nam Phong*: "Kẻ viết mấy bức gia thư đã không thể học được đến bậc Cao đẳng, lại cũng chưa hề lập công lập danh cho nước nên không muốn ai để ý đến mình. Kẻ lục mấy bức gia thư vẫn muốn chiêu lòng lắm, nhưng chủ ý muốn lưu lại cái cảm tình, cái tâm khổ của khách du, là những điều không thể tìm được ở các sách khác và nhất là muốn lưu lại những câu thâm tình như câu: *Nhờ anh mà em mới biết yêu quý tiếng nước nhà*"⁵.

Trong tư cách một học sinh, Tùng Hương chủ yếu kể lại cuộc sống của người học trò nghèo và những quan sát bước đầu về một nước Pháp xa lạ. Khi đến nhà ga hoá xa Lyon, Tùng Hương cảm nhận: "Đồ hành lý cứ đưa vào đó, có khi nó đến trước mình. Có chỗ gửi vào đó, gọi là *Consigne*. Mình có đồ vật gửi vào đó, lấy biên lai, mình đi đông đi dài khỏi bận bịu chi hết. Xe nào cũng có số hiệu. Đi xe nào phải ra thêm nào. Mà không được chạy ngang qua đường ray. Vì nhiều thêm ở giữa khoảng hai đường. Có đường đi dưới đất. Mình thấy Sài Gòn, Chợ Lớn đã cho là náo nhiệt, qua đây mới ghê". Tùng Hương say mê kể lại kỹ thuật chụp ảnh ở nước Pháp thời bấy giờ: "Bày đồ ra, chụp ảnh rồi mới ăn. Tôi cũng mới biết chụp ảnh lối này là một. Máy mở sẵn. Treo gói *Magnesium* trên cao, ở phía sau cái máy, có dán một miếng giấy dài. Ngồi yên rồi, tắt đèn. Một người cầm ống quẹt (diêm) lại đốt miếng giấy cho mau và chạy về chỗ ngồi. Giấy cháy lên cái gói thì phụt ra một cái sáng, đủ lấy hình. Trong hình này, anh Kh. đi đốt giấy rồi chạy về mà hình tốt quá"... Tác giả thấy mới lạ trong nếp sống, trong quy cách làm việc và trình độ văn hoá, ý thức tự giác từ người gác cửa, ông Đốc học đến người dân mua báo: "Người gác cửa bên này rành rẽ lắm. Quần áo, râu, cà vạt tử tế", "Ông Đốc học và các ông phó đều có phòng giấy riêng và có phòng cho khách ngồi đợi. Phận sự của mấy ông đều chia nhau làm", "Tính người Pháp có chỗ tốt lắm. Như bán nhật báo, để báo đó và một cái lon. Ai lấy tờ báo thì bỏ xu vào, cửa kính đóng mà không có ai ở trong hết". Điều đặc biệt hơn, người học trò tự phát hiện và giải thích cái sự biểu tình ở nước Pháp: "Anh có biết biểu tình là gì không? Như ông nào cầm quyền mà có làm điều gì bất bình, thì họ hiệp đoàn nhau rồi kéo đi reo hò cùng hàng phố. Nhà nước tính đuổi bọn theo đạo Cơ Đốc ra khỏi nước. Có ông linh mục Đ., chân nghị viên, viết thơ trả lời cứng cáp. Thơ ấy in dán cùng đường và có đăng ở các báo. Ông có lại Lyon diễn thuyết nói chuyện thiệt hơn với người có đạo. Bọn học sinh Đại học Lyon đi nghe và hiệp nhau đi cùng đường, hát một bài hát đạo, rồi lại đứng trước nhà báo P. mà reo: Đánh đổ ông H.! Lính muốn làm cho họ tan đi, mà họ không tuân lệnh. Bắt thì không phép, vì họ được tự do"... Rồi hình như bạn học trò Tùng Hương có làm quen với chính trị và cái gọi là hoạt động xã hội: "Lúc này tuyển cử nghị viện ở Hạ nghị viện. Ông Herriot đắc cử ở quận thứ nhất. Nhiều chỗ phải cử lại. Mấy cậu học sinh ở ngoài sáng nào cũng đem nhật báo về. Mấy cậu ở trong bấy giờ mới cãi cộ. Trong trường tuy nhỏ, nhưng cũng khoe khoang bè này đảng nọ. Mình đứng yên, có nhiều cậu hỏi: Anh ưa phe nào? Tôi trả lời: Tôi theo đảng quốc gia thuộc địa. Họ không hiểu, rồi cũng

thôi". Rất có thể đây là lần đầu và cũng là lần cuối, Tùng Hương làm quen với lẽ tự do, dân chủ, tranh đấu. Qua sáu năm ở Pháp, đại để Tùng Hương thu hoạch được bấy nhiêu điều.

3.4. Cũng với tư cách người đi du học, Thôn Đào viết bài *Học sinh An Nam ở bên Pháp*⁶ tập trung kể về kinh nghiệm, cách thức làm quen, hoà nhập với môi trường giáo dục và cuộc sống ở Pháp. Mở đầu, tác giả nhấn mạnh nhu cầu du học và việc học của người Việt tới nước Pháp: "Được hai năm nay, người An Nam mình sang du học bên Pháp một ngày một đông; cứ đến kỳ nghỉ hè mỗi chuyến tàu chở ít ra cũng được dăm ba chục. Tuy đối với các nước khác, số kẻ du học ngoại quốc thế là ít, nhưng ở nước mình so với dăm năm về trước kể đã là nhiều. Tôi sang Pháp chưa được ba tháng, nhận thấy anh em ở bên này đều một lòng hiếu học, kẻ ở trung học, người ở đại học, trường nào cũng đều có mặt cả, phần nhiều lại xuất sắc nữa, cho nên cầm bút viết bài này, mong rằng người mình sang đây ngày một đông để học hành cho chóng bằng người ta". Bên cạnh nhiều trang chỉ dẫn khác, Thôn Đào kể về việc chuyển giao hành lý, đồ đạc ký gửi với sự tin cậy vào một cách quản lý khác lạ, mới mẻ, tân tiến: "Tàu đến Marseille thì đồ đạc giao cho người hoặc của Agence SIC7 hoặc của Agence Duchemin mang cho mình. Mặc cả phân miêng rồi kệ họ, mình không bận gì nữa. Nếu họ có cần đến chìa khoá để mở hòm cho lính Đoàn khám thì cứ việc giao, không có gì ngại cả. Nếu định ở Marseille lâu thì bảo mang đến nhà trọ cho mình, nếu không thì bảo mang tuột ra ga, tùy theo giờ chuyến tàu mình định đi". Nhìn nhận mối quan hệ Việt - Pháp, Thôn Đào mô tả hiện trạng người Việt ở Pháp mà mình chứng kiến: "Ở Toulouse có quân đội đóng. An Nam có một người đội và dăm chục người lính, phần nhiều là người Bắc. Học sinh thì phần nhiều người Nam Kỳ, người ngoài Bắc mới được ngót một chục. Sang đến đây, dù người Nam kẻ Bắc, tuy chưa quen biết nhau, nhưng gặp nhau thì tay bắt mặt mừng, ngồi nói chuyện mấy câu tiếng An Nam, còn gì vui vẻ cho nữa. Bên này họ cũng phân biệt người Breton, người Provençal, mỗi người một giọng nói riêng, nhưng ra đến ngoài đều là người Pháp; mình sang tới đây cũng vậy, không quen biết cũng thành quen biết vì cùng là con em Nam Việt cả". Ở địa vị của mình, Thôn Đào thực sự coi trọng, ngưỡng vọng, tin tưởng vào nền giáo dục của Pháp. Trong một bộ phận thanh niên đương thời, đây là con đường mở rộng kiến văn và hứa hẹn mỗi người có thể trở thành nhà trí thức thực thụ.

3.5. Khác với nhiều người, cô Phạm Văn Anh sang Pháp đúng với tư cách một khách du lịch, một người giàu nuôi cái hy vọng chỉ để đi và xem: "Được lắm, nếu có dịp nào đi sang mà coi cho rõ cái văn minh của họ, và coi mấy ông Tây ở bên Pháp có khác gì mấy ông Tây ở bên này không, ấy cũng là một việc hay"⁷. Chuyến đi bằng tàu thuỷ Porthos, khởi hành từ cảng Sài Gòn vào sáng ngày 22/3/1926.

Trên vị thế một người giàu có, am hiểu xã hội, tác giả tìm mọi cơ hội để thâm nhập, xét đoán và so sánh hai cơ sở kinh tế, văn hoá Việt - Pháp. Vừa mới đến thành phố cảng, sau những choáng ngợp ban đầu, tác giả viết: "Trong mấy ngày ở đây, chúng tôi có coi cùng cả thành phố Marseille và mấy nơi danh thắng... Mấy phố tốt đẹp sạch sẽ là mới mở sau này. Còn có nhiều xóm lập ra đã lâu đời như chỗ gọi là Vieux Port thì nhà cửa xiêu vẹo, đường lối chật hẹp, coi dơ dáy hôi hám, còn thảm tệ hơn phần nhiều đường hẻm ở Sài Gòn mình. Họ cũng liệng rác ra đầy ngoài cửa, phơi đồ ngay ngang lối đi, mất cả vệ sinh và vẻ lịch sự"⁸. Cô Vân Anh cảm nhận rõ môi trường nước Pháp đã làm thay đổi con người, nâng nhận thức và tư cách của họ lên một tầm cao mới: "Anh em lao động ta ở Marseille, có lẽ khi còn ở nước nhà chỉ là chú tá điền chịu đẽ cho mấy ông chủ ruộng bất nhơn hành hạ, hay là một người vất vả làm ăn, mèm mọng luôn luy; nhưng mà từ lúc đem thân vượt biển muôn dặm mưu sanh, được tiếp xúc với hoàn cảnh tự do, hô hấp lấy không khí thông thả thì tự nhiên trở nên người biết chuyện nầy chuyện kia, có tâm chí và khảng khái đáo đẽ"⁹. Sau này cô còn có nhiều dịp chỉ ra những sự tương phản và cả những bất công trong đời sống và xã hội Pháp: "Thật, bên Paris, nếu có những gia đình ở nhà lâu năm bầy từng, trái nệm gấm, lót gạch bông, phòng nầy phòng khác, rộng rãi thình thang, thì cũng có biết bao nhiêu cái gia đình, vợ chồng con cái cả đoàn mà ở chui rúc vào những xó không có chỗ thở. Đùng tưởng rằng Paris toàn là những người phú quý thân tiên hết cả mà không có nhà nghèo khổ đói rách đâu"¹⁰. Trong mười tháng ở Pháp, cô Vân Anh còn có dịp chứng kiến và miêu tả khá sâu sắc cuộc sống của người dân lao động ở bên Pháp. Cô đặc biệt nhấn mạnh nền dân chủ và công lý Pháp luôn quan tâm và bảo vệ quyền lợi, sức lao động, chế độ tiền công của người bình dân, trong đó có nhiều người dân, người thợ, người bồi An Nam.

Xem xét và so sánh cách thức tổ chức và lễ lối quản lý xã hội, cô Vân Anh nhận ra nhiều điều văn minh tiến bộ ở nước Pháp hơn hẳn bên An Nam. Cô xót xa cảm nhận sự thật về tính cách và lối sống của người Việt: "Xét ra cho cùng, cái xã hội mình tệ thiệt. Trừ ra một đôi người có lòng bác ái từ bi thì không nói, còn phần nhiều thì ai nấy chỉ lo lấy mình mà thôi, chớ không thèm ngó ngàng gì đến ai hết... Cảnh đời như vậy, hèn chi có nhiều người đã sang Pháp, thấy mọi việc tổ chức xã hội ở bên ấy, về thấy xã hội mình mà sanh buồn sanh chán là vì thế"¹¹. Đi sâu tìm hiểu thể chế giáo dục, cô Vân Anh thu nhận được những quan điểm và phương pháp nhằm giải quyết tốt mối quan hệ thầy - thợ mà ở ta đến hôm nay còn đang là câu chuyện phía trước: "Ở bên Tây, muốn đi làm cho dư tiền mà học thì chỉ có phương đi làm thợ. Làm thợ mỗi ngày ít ra cũng được ba bốn chục quan; như vậy mới đủ tiền ăn ở và dư ra chút đỉnh mà học. Xứ ta, hình như làm thầy người ta tưởng mới là vẻ vang, mới là có tiền, hèn chi người ta đổ xô nhau về con đường làm thầy mà khinh con đường làm thợ... Bên Pháp không vậy. Anh đội cát - két,

bận áo xanh cũng có chỗ vẻ vang như mấy thầy bút toán, mà lại kiếm được nhiều tiền hơn mấy thầy này"¹². Có thể thấy lối sống công nghiệp và cơ chế quản lý xã hội tiến bộ thời bấy giờ đã giúp cho nước Pháp mau chóng phát triển và trở thành khuôn mẫu trong cách nhìn của cô Vân Anh.

Trên phương diện văn hoá, khi đến thăm các thành phố và khu cung điện, lăng tẩm, bảo tàng, thư viện, trường học, tác giả thường xuyên liên hệ với thực trạng tình hình đất nước, dân tộc mình. Khi vào thăm đền Panthéon, tác giả tự phản tỉnh: "Vào chiêm yết đền Panthéon, thật là cảm phục tấm lòng của dân Pháp biết ơn những bậc danh nhân chí sỹ đã có công với nước với nòi. Càng cảm phục lòng người ta biết ơn bao nhiêu, càng tức giận cái giống mình là vô ơn bấy nhiêu. Có phải nước này không có danh nhân chí sỹ đâu? Thật, cái giống người mình quên ơn và vô tình quá"¹³. Vào thư viện, tác giả liên hệ: "Dân tộc văn minh có khác thiệt: thấy họ lo bồi bổ trí thức cho dân bằng sự đọc sách và xem báo, có khi chăm chút quá hơn là ở bên ta lo miếng ăn thức uống, tấm áo manh quần kia. Một thành phố Paris, không biết là có mấy trăm mấy ngàn thứ báo và tạp chí... Một thành phố Paris, không biết bao nhiêu là thư viện, không thể đếm được; cũng như dạo thành phố Sài Gòn và Chợ Lớn, không thể đếm được là bao nhiêu tiệm hút công yên, bao nhiêu quán rượu Fontaine vậy"¹⁴. Đồng thời tác giả kể thêm chuyện ông Lê Ninh (Lênin - NHS chú) suốt ba năm (1914 – 1918) đã đến thư viện Sainte Geneviève và viết rõ Lênin là "vị anh hùng sáng tạo ra nước Nga bây giờ", "ông chúa cách mạng nước Nga", "trong mấy năm ấy, Lê Ninh đọc hết một phần tư những sách trong thư viện". Khi vào thăm Bảo tàng Le Louvre, tác giả thán phục và thành thật bộc lộ những hạn chế của bản thân: "Vào đây mới biết dân tộc Pháp yêu chuộng mỹ thuật biết là chừng nào... Còn mình, nói rằng đi lướt qua là phải, vì nói cho thiệt ra, mình có biết chỗ nào là tinh thần của mỹ thuật đâu... Ví dụ như bức hoạ mỹ nhân *La Joconde*, xưa nay đọc sách và nghe người ta thuật lại thì là bức hoạ tuyệt bút trong trần gian, ngó về trước trở về sau, không ai hạ nét bút được thân diệ như thế cả. Bây giờ mình tới đây, ngó tận mặt, nhìn tận nơi, ráng đem hết cả tinh thần, coi thử có nhận được cái đẹp ở chỗ nào không. Té ra chỉ thấy cô ả: người mập mập, hai má sừng sính, cặp mắt hiền lành, miệng hơi chuồm chiêm; ngoài mấy cái đó ra thì chỗ nào gọi là mỹ thuật, chỗ nào gọi là tuyệt bút trong trần gian, thật mình chẳng hề thấy. Ráng nhắm nhía cho mấy đi nữa cũng chỉ thấy vậy thôi, chẳng có gì khác. Có mấy cô ngoại quốc đứng bên tôi, vừa coi vừa gật đầu, ra ý tự đắc như mình đã chụp được cái đẹp ở đâu trong bức hoạ đó rồi; nhưng không biết rằng mấy chị có thấy thiệt chẳng, hay là cũng chỉ lờ mờ như em đây vậy"¹⁵. Có thể nói đó là lời tự thú thành thực về xúc cảm thẩm mỹ và vốn hiểu biết của cô Vân Anh. Bước chân ra thế giới rộng lớn, chỉ nội một việc mình tự thức tỉnh ra những điểm yếu kém cũng đã là một thành công đáng ghi nhận rồi.

Trải mười tháng ở Pháp, tác giả có nhiều dịp tham dự các hoạt động chính trị - xã hội và bước đầu nhận ra những điều khác lạ, bao gồm cả sự hợp lý và nghịch lý của xã hội dân chủ tư sản Pháp. Ngay các tên đề mục như *Để chun vào đất tổ tự do và cách mạng*, *Dự một cuộc mê tình của học sinh An Nam*, *Tình cảnh học sinh ta ở Pháp theo con mắt tôi thấy*, *Tình hình người Việt Nam ở bên Pháp*, *Hội cự những nhà ở tồi tệ* (Ligue Nationale contre le taudis), *Hội cự rượu* (Ligue Nationale contre l'Alcolisme), *Đồng bào ông Tôn Dật Tiên ở Paris* cũng cho thấy rõ mối quan tâm của cô Vân Anh. Điều khá kỳ lạ là lưới kéo kiểm duyệt hà khắc của chính quyền thực dân Pháp tại An Nam lại tương đối rộng rãi khi để cho cô Vân Anh đặt câu hỏi tố cáo hoạt động thu lợi nhuận vô nhân đạo từ việc bán rượu và thuốc phiện: "Lạ sao bên ta có thuốc phiện gọi là công - yên, dân có quyền hút tự do thông thả, số công - nho mỗi năm, khoản thu vô có 7, 8 trăm triệu đồng, nhò có một nó đã được 230 triệu; thế mà ở bên Pháp bán thuốc phiện thì cho là đồ quốc cấm, ai hút thuốc phiện thì ba tháng tù? Lại sao bên Pháp có hội phản đối rượu lập ra, nhà nước cũng tán thành cho; thế mà bên ta thì ông Fontaine được độc quyền nấu rượu công-xi, không ai dám nói; nói động đến ông Fontaine hay là cố động tẩy chay rượu công-xi thì người ta cho là làm pô-ly-tích?... Khi em ở nhà hội này ra về, trong óc cứ bâng khuâng suy nghĩ mãi. Suy nghĩ sao nước Pháp đã thành tâm khai hoá cho ta mà rượu và thuốc phiện là hai thứ thuốc độc giết người lại để cho được hoành hành mà không ngăn cấm?"¹⁶. Thêm nữa, rất nhiều lần cô Vân Anh nói đến hoạt động của cộng sản và cuộc đấu tranh xã hội của các phe phái, trong đó có vấn đề đấu tranh giai cấp, chính quốc và thuộc địa, lớp chủ và thợ, sự phân hoá giàu nghèo. Trải qua gần một thế kỷ, xã hội Pháp ngày nay đã điều chỉnh và phát triển vượt bậc. Tuy nhiên, những ghi chép của cô Vân Anh ngày đó cũng cho thấy phần nào diện mạo đời sống xã hội nước Pháp và khả năng áp bức, chi phối, bóc lột của tư bản Pháp với người dân lao động cả ở chính quốc cũng như ở nước thuộc địa.

3.6. Trong số những người du học ở Pháp có bác sỹ Lê Văn Ngôn đã từng trải một thời gian dài đến hơn mười năm. Mãi đến khi trở về nước, tác giả mới viết lại những ký ức xưa, kể lại kỷ niệm một thời trai trẻ sống trên đất Pháp. Những trang viết thật giàu cảm xúc, sinh động, gần như những thiên truyện ngắn. Trong *Một ngày Tết của học sinh ta ở Lyon*, tác giả hồi tưởng lại câu chuyện buồn về những người bạn chết vì bệnh lao. Ngày Tết, họ cùng nhau mang hoa đến nghĩa địa viếng bạn. Rồi họ cùng nhau ăn bữa cơm tất niên và nghĩ ra mấy trò vui nhẹ nhàng trong đêm viễn xứ¹⁷. Đến hồi ức *Nhơn Tết năm nào... tôi đi đám cưới ở Thụy Sĩ*, bác sỹ Lê Văn Ngôn thuật lại chi tiết quang cảnh đám cưới ở một làng thuộc Thụy Sĩ giáp ranh nước Pháp. Thông qua cách giới thiệu, tác giả cho thấy mức độ ảnh hưởng của tiếng Pháp cũng như cuộc sống thanh bình, con người hoà thuận ở vùng biên giới Pháp - Thụy Sĩ: "Tôi được quen biết cô Denise và cha mẹ cô do một gia quyến người Pháp ở Grenoble giới thiệu. Tuy là dân Thụy Sĩ nhưng toàn gia quyến cô chỉ biết nói tiếng Pháp và làng cô ở cách Pháp không bao xa. Có dịp gặp

nhau nhiều lần, cha mẹ cô để lòng yêu mến tôi, coi tôi như người thân thuộc và nhiều phen có ngỏ lời mời tôi qua nhà chơi cho biết"¹⁸. Trong tác phẩm *Năm ấy, ở Pháp...*, tác giả miêu tả cuộc sống làng quê nước Pháp thật yên bình. Nơi ấy cách Lyon bằng ba lần đổi xe lửa và thêm một lần đi xe đò hơn hai mươi cây số: "Cuộc sống giản dị nhưng đầy đủ, xa những sự thèm muốn vô lối của văn minh vật chất, đã đem lại cho họ một thân hình lực lưỡng, một tâm hồn cao khiết, đẹp đẽ như rừng thông sừng sững giữa trời, như đám hoa vàng tươi bên mé rừng xanh mướt. Hạnh phúc của họ còn là cảnh gia đình êm ái, còn là non cao vòi vọi, đồng ruộng mênh mông, còn là đám bò mà họ nặn sữa mỗi ngày, còn là bầy gà mà họ cho ăn mỗi sáng"¹⁹. Qua ba đoạn hồi ức trên, có thể thấy bác sỹ Lê Văn Ngôn đã cảm nhận và phản ánh được chiều sâu đời sống văn hoá và tâm hồn người dân lao động Pháp. Bằng sự trải nghiệm và vốn sống thực tế, tác giả phản ánh sâu sắc thực trạng hoàn cảnh, điều kiện sống vất vả của những du học sinh thuộc địa tại Pháp. Có đọc những trang du ký của bác sỹ Lê Văn Ngôn mới hiểu rõ và toàn diện hơn con đường phấn đấu gian nan của lớp trí thức trẻ An Nam ở Pháp hồi đầu thế kỷ XX.

Kết luận

Qua các trang du ký viết về nước Pháp giai đoạn cuối thế kỷ XIX - nửa đầu thế kỷ XX, có thể rút ra nhiều bài học trong việc đánh giá lịch sử cũng như xác định những bài học kinh nghiệm cho tương lai. Trước hết, đó là sự thức tỉnh trong nhận thức mỗi cá nhân về một nước Pháp hiện đại nhưng chất chứa nhiều vấn đề xã hội cần giải quyết. Thứ hai là những trở ngại của người trong cuộc về hiện tình đất nước quá lạc hậu trong tương quan với nước Pháp đang trên đường phát triển tư bản và hiện đại hoá. Thứ ba là những cảm nhận sâu sắc về nền văn hoá và con người Pháp gắn với truyền thống và thể chế xã hội dân chủ, tiến bộ, hướng về lợi ích và sự tôn trọng quyền sống của con người cá nhân. Thứ tư là khả năng nhận thức về mối quan hệ giữa đạo lý và tiến bộ xã hội theo thước đo của phương Đông rất cần được điều chỉnh, thay đổi theo hướng đi của người phương Tây. Thứ năm là việc nhận thức ra con đường canh tân, phát triển đất nước chỉ có thể bằng cách nâng cao dân trí, phát triển giáo dục và đổi mới thể chế xã hội theo mô hình tiến bộ của nước Pháp và thế giới phương Tây... Đương nhiên trong các phương hướng nhận thức trên có cả những suy xét ấu trĩ, đơn giản, một chiều, song trước sau đó vẫn là những chứng nghiệm của người đương thời, người trong cuộc, một bộ phận trí thức tiêu biểu của dân tộc đang trên đường hội nhập với thế giới hiện đại.

CHÚ THÍCH

¹ Lê Bá Hán - Trần Đình Sử - Nguyễn Khắc Phi (Chủ biên), *Từ điển thuật ngữ văn học*. NXB Giáo dục, Hà Nội, 1992, tr.75 - 76.

- Tham khảo Nguyễn Hữu Sơn, *Thế tài du ký trên tạp chí Nam Phong*, *Nghiên cứu Văn học*, số 4/ 2007, tr.21- 38.
- 2 Thế Tài Trương Minh Ký, *Chư quốc thại hội - Exposition universelle de 1889*, Imprimerie Commerciale Rey, Curiol et Cie, Saigon, 1891, 72 p. Tái bản, 1896, 52 p. Văn bản này do PGS. TS. Đoàn Lê Giang cung cấp, chúng tôi xin trân trọng cảm ơn.
 - 3 Phạm Quỳnh, *Pháp du hành trình nhật ký*, tạp chí *Nam Phong*, số 58, tháng 2/ 1922 đến số 100, tháng 10 + 11/ 1925. In lại trong *Du ký Việt Nam - tạp chí Nam Phong, 1917 - 1934*, tập III (Nguyễn Hữu Sơn sưu tầm, giới thiệu), NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 2007, tr. 346 - 657. Các trích dẫn liên quan trong bài đều theo sách này.
- Xem thêm Phạm Quỳnh, *Tiểu luận viết bằng tiếng Pháp trong thời gian 1922 - 1932* (Phạm Toàn giới thiệu và biên tập), NXB Tri thức, Hà Nội, 2007.
 - 4 Phạm Quỳnh, *Thuật chuyện du lịch ở Paris*, tạp chí *Nam Phong*, số 64, tháng 10/ 1922. In lại trong *Du ký Việt Nam - tạp chí Nam Phong, 1917 - 1934*, tập I (Nguyễn Hữu Sơn sưu tầm, giới thiệu, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 2007, tr. 312 - 363. Các trích dẫn liên quan trong bài đều theo sách này.
 - 5 Tùng Hương, *Trên đường Nam Pháp (Mấy đoạn gia thư)*, tạp chí *Nam Phong*, số 176, tháng 9/ 1932. In lại trong *Du ký Việt Nam - tạp chí Nam Phong, 1917 - 1934*, tập II (Nguyễn Hữu Sơn sưu tầm, giới thiệu), NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 2007, tr.303 - 331. Các trích dẫn liên quan trong bài đều theo sách này.
 - 6 Thôn Đào, *Học sinh An Nam ở bên Pháp*, tạp chí *Nam Phong*, số 112, tháng 12/ 1926. In lại trong *Văn học Việt Nam thế kỷ XX (Tạp văn và các thể ký Việt Nam, 1900 - 1945)*, quyển Ba, tập I (Trịnh Bá Đĩnh chủ biên), NXB Văn học, Hà Nội, 2007, tr.769 - 776. Các trích dẫn liên quan trong bài đều theo sách này.
 - 7 Phạm Vân Anh, *Sang Tây (Du ký của một cô thiếu nữ)*, *Phụ nữ tân văn*, Sài Gòn, số 1, ra ngày 2/5/1929, tr.23.
 - 8 Phạm Vân Anh, *Mười tháng ở Pháp*, *Phụ nữ tân văn*, Sài Gòn, số 25, ra ngày 17/10/1929, tr.23.
 - 9 Phạm Vân Anh, *Mười tháng ở Pháp*, *Phụ nữ tân văn*, Sài Gòn, số 27, ra ngày 31/10/1929, tr.21.
 - 10 Phạm Vân Anh, *Mười tháng ở Pháp*, *Phụ nữ tân văn*, Sài Gòn, số 45, ra ngày 27/3/1930, tr.21 - 22.
 - 11 Phạm Vân Anh, *Mười tháng ở Pháp*, *Phụ nữ tân văn*, Sài Gòn, số 46, ra ngày 3/4/1930, tr.26.
 - 12 Phạm Vân Anh, *Mười tháng ở Pháp*, *Phụ nữ tân văn*, Sài Gòn, số 37, ra ngày 16/1/1930, tr.17.
 - 13 Phạm Vân Anh, *Mười tháng ở Pháp*, *Phụ nữ tân văn*, Sài Gòn, số 32, ra ngày 12/12/1929, tr.21.
 - 14 Phạm Vân Anh, *Mười tháng ở Pháp*, *Phụ nữ tân văn*, Sài Gòn, số 33, ra ngày 19/12/1929, tr.22; số 34, ra ngày 26/12/1929, tr.23 - 24.
 - 15 Phạm Vân Anh, *Mười tháng ở Pháp*, *Phụ nữ tân văn*, Sài Gòn, số 40, ra ngày 20/1/1930, tr.21- 22.
 - 16 Phạm Vân Anh, *Mười tháng ở Pháp*, *Phụ nữ tân văn*, Sài Gòn, số 37, ra ngày 23/1/1930, tr.19 - 20.
 - 17 Lê Văn Ngôn, *Một ngày tết của học sinh ta ở Lyon*, tạp chí *Tri tân*, số 81 + 82, tháng 2/1943. In lại trong tạp chí *Tri tân (1941 - 1945) - Truyện và ký* (Lại Nguyên Ân - Nguyễn Hữu Sơn sưu tập, giới thiệu), NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2000, tr. 402 - 415.
 - 18 Lê Văn Ngôn, *Nhân tết năm nào... tôi đi đám cưới ở Thụy Sĩ*, tạp chí *Tri tân*, số 81 + 82, tháng 2/1943. In lại trong tạp chí *Tri tân (1941 - 1945) - Truyện và ký*, sđd, tr. 581- 592.
 - 19 Lê Văn Ngôn, *Năm ấy, ở Pháp...*, tạp chí *Tri tân*, số 175 - 178, tháng 2/ 1945. In lại trong tạp chí *Tri tân (1941 - 1945) - Truyện và ký*, sđd, tr. 753 - 760.